

Số: **4335** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13** tháng **12** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9320/TTr-STNMT-TNNKS ngày 02 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận huyện thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Công bố Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trên các phương tiện truyền thông đại chúng và đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường; Thông báo đến Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện nơi có vùng, khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Hàng năm, tổng hợp số liệu báo cáo kết quả khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Sau năm (05) năm hoặc khi cần thiết kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác khi có một trong các trường hợp sau:

Có sự thay đổi về căn cứ khoanh định vùng hạn chế theo quy định của Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ làm thay đổi phạm vi khoanh định khu vực hạn chế khai thác.

Có sự biến động về điều kiện tự nhiên làm thay đổi phạm vi vùng hạn chế hoặc xuất hiện các khu vực cần khoanh định vùng hạn chế hoặc cần đưa ra khỏi Danh mục, Bản đồ vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

c) Căn cứ Danh mục, Bản đồ các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu và lập danh sách các công trình khai thác hiện có thuộc các vùng, khu vực hạn chế đã được công bố; lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 13 Nghị định 167/2018/NĐ-CP.

d) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện Danh mục, Bản đồ vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân trong việc trám lấp các giếng khai thác không đúng quy định; các giếng hư hỏng, không sử dụng theo đúng quy trình kỹ thuật nhằm phòng tránh ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

f) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về tài nguyên nước.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Tổ chức, tuyên truyền thực hiện Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn quản lý. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung Danh mục, Bản đồ vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho phù hợp tình hình thực tiễn địa phương.

c) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về tài nguyên nước.

3. Sở Y tế

Sở Y tế chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan giám sát chất lượng nguồn nước cấp của Thành phố Hồ Chí Minh, nguồn nước dưới đất khai thác sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các khu vực trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo kế hoạch hàng năm nhằm đảm bảo chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng quy hoạch, bổ sung hoàn thiện mạng lưới cấp, thoát nước tại các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất thuộc các đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đảm bảo lưu lượng nước phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là tại các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

6. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

a) Đẩy nhanh tiến độ phủ kín mạng lưới cấp nước tập trung. Đảm bảo áp lực, lưu lượng và chất lượng nguồn nước cấp cho người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt tại các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Đảm bảo lưu lượng nước phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là tại các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất.

7. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thông tin Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đến các đơn vị đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐNDTP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng: ĐT, TH;
- Lưu: VT, (ĐT-TNC).09

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Cường



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4335...../QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022)

I. DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
I																		
Thành phố Thủ Đức																		
1	Phường An Khánh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,12	3,01	-	2,78	3,00	-	-	10-24	24-53	-	84-121	121-165	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,65	0,81	-	1,03	-	-	-	10-24	24-53	-	84-121	121-165	-	Khoản 3 Điều 10
2	Phường An Lợi Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	3,06	-	-	3,06	-	-	10-24	24-53	-	84-121	121-165	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	2,06	-	-	1,48	-	-	-	10-24	24-53	-	84-121	121-165	-	Khoản 3 Điều 10
3	Phường An Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	7,44	8,05	-	9,02	0,03	3,83	-	10-23	23-53	-	84-120	120-165	165-230	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	2,45	2,07	-	1,10	-	1,03	-	10-23	23-53	-	84-120	120-165	165-230	Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)			
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³	
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước																
4	Phường Bình Chiểu	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,03	5,46	5,46	5,45	-	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,19	0,23	0,23	0,23	-	-	-	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-		Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,53	0,53	0,53	0,54	-	-									Khoản 3 Điều 10
5	Phường Bình Thọ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,70	1,20	1,20	0,42	-	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,68	-	-	-	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-		Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (2-3)	Khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,11	-	-									Khoản 3 Điều 10
6	Phường Bình Trưng Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,01	-	-	-	-	0,01									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,03	0,02	-	0,03	-	0,03	-	3-10	10-35	-	62-86	-	110-150		Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	3,27	2,10	-	3,29	-	3,27								Khoản 3 Điều 10
7	Phường Bình Trưng Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,11	1,11	-	0,48	-	0,54	-	3-10	10-35	-	62-86	-	110-150	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,98	0,98	-	1,61	-	0,98								Khoản 3 Điều 10
8	Phường Cát Lái	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,35	0,12	-	0,41	-	2,80	-	3-10	10-35	-	62-86	-	110-150	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	2,97	2,01	-	4,64	-	2,97								Khoản 3 Điều 10
9	Phường Hiệp Bình Chánh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,78	7,06	1,24	1,93	3,02	-	-	1-3	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	1,76	1,65	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
10	Phường Hiệp Bình Phước	3	Khu vực có cấp nước tập trung	2,91	7,80	3,83	4,62	5,54	-	-	2-5	5-39	39-69	69-103	103-126	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	-	2,80	2,52	1,60	-	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước															
11	Phường Hiệp Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,06	2,27	2,27	2,18	-	-	-	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,09	-	-								Khoản 3 Điều 10
12	Phường Linh Chiểu	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,46	1,41	1,44	1,39	-	-	-	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,02	-	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (2-3)	Khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	0,03	-	0,03	-	-								Khoản 3 Điều 10
13	Phường Linh Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,12	3,02	3,12	3,12	-	-	-	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,09	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
14	Phường Linh Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,65	1,19	1,21	1,07	-	-	-	3-10	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (2-3)	Khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	0,02	-	0,14	-	-								Khoản 3 Điều 10
15	Phường Linh Trung	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	6,65	6,12	4,98	-	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,11	0,11	0,02	-	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (2-3)	Khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	0,16	-	1,83	-	-	-	-	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-2-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,09	-	-								Khoản 3 Điều 10
16	Phường Linh Xuân	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	3,57	3,90	3,90	-	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (2-3)	Khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	0,33	-	-	-	-	-	-	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 10
17	Phường Long Bình	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	6,94	0,03	7,15	-	-	-	-	10-35	35-62	62-86	-	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)					
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³			
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 10			
18	Phường Long Phước	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	20,41	0,44	0,99	24,53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8			
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	3,09	1,95	-	-	-	-	-	-	5-8	8-17	17-37	37-65	-	-	Khoản 3 Điều 10	
19	Phường Long Thạnh Mỹ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,12	9,67	4,45	10,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8		
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,32	-	0,32	-	-	-	-	-	-	3-7	7-13	13-33	33-63	-	-	Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,45	2,46	1,93	1,93	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 10
20	Phường Long Trường	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	10,36	-	-	10,36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	2,27	1,19	0,90	2,27	-	-	-	-	-	-	7-10	10-24	24-50	50-80	-	-	Khoản 3 Điều 10
21	Phường Phú Hữu	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	10,77	0,34	-	10,75	-	-	5,07	-	-	-	-	-	-	-	-	110-150	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,44	3,16	0,43	1,46	-	0,88								Khoản 3 Điều 10
22	Phường Phước Bình	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,02	1,02	-	1,02	-	0,71	-	6-9	9-32	32-54	54-81	-	110-150	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,20	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
23	Phường Phước Long A	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,36	2,36	0,45	2,36	-	0,13	-	6-9	9-32	32-54	54-81	-	110-150	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	1,15	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
24	Phường Phước Long B	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,87	5,47	1,43	5,87	-	2,80	-	6-9	9-32	32-54	54-81	-	110-150	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,03	0,43	1,68	0,03	-	0,03								Khoản 3 Điều 10
25	Phường Tam Bình	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,34	2,34	2,34	2,34	-	-	-	6-9	9-32	32-54	54-81	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	0,29	0,29	0,29	0,29	-	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)	
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³		
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước																
26	Phường Tam Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,17	1,17	1,17	1,17	-	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,30	0,30	0,30	0,30	-	-	-	6-9	9-32	32-54	54-81	-	-		
27	Phường Tân Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	4,51	2,54	4,51	-	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,02	-	0,02	-	-	-	-	9-32	32-54	54-81	-	-		
28	Phường Tăng Nhơn Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,14	4,33	4,33	4,33	-	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,21	0,23	0,23	0,23	-	-	-	5-8	8-32	32-53	53-81	-	-		
29	Phường Tăng Nhơn Phú B	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,54	4,01	3,09	4,01	-	0,02									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,94	0,94	1,81	0,94	-	-	-	5-8	8-32	32-53	53-81	-	-	110-150	
30		3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,43	4,16	-	-	-	4,88	-	12-22	22-56	-	91-104	-	-	140-200	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
	Phường Thạnh Mỹ Lợi	Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	3,63	3,59	-	0,69	-	0,35								Khoản 3 Điều 10
31	Phường Thảo Điền	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,39	-	-	4,12	0,07	-	-	12-22	22-56	-	91-104	104-140	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	2,40	1,10	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
32	Phường Thủ Thiêm	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,06	3,72	-	2,45	3,72	-	-	27-62	62-92	-	123-148	148-170	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	2,28	-	-	1,27	-	-								Khoản 3 Điều 10
33	Phường Trường Thạnh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	6,76	-	0,40	6,77	-	-	-	6-9	9-15	15-23	23-70	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,06	0,06	0,05	0,06	-	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	3,12	2,71	4,18	3,13	-	-								Khoản 3 Điều 10
34		3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,08	5,08	3,71	4,91	-	-	-	5-7	7-32	32-47	47-67	-	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)	
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³		
	Phường Trường Thọ	Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,90	-	-	-								Khoản 3 Điều 10	
		Hỗn hợp (2-3)	Khu vực mực nước động vượt mực nước cho phép trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,17	-	-									Khoản 3 Điều 10
II	Quận 1																		
1	Phường Bến Nghé	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,36	2,50	0,06	2,50	2,50	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,14	-	1,60	-	-	-		12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-		Khoản 3 Điều 10
2	Phường Bến Thành	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,94	0,94	0,74	0,94	0,94	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,21	-	-	-		12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-		Khoản 3 Điều 10
3	Phường Cầu Kho	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,35	0,35	0,35	0,35	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,31	-	-	-	-	-		12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-		Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
	Phường Nguyễn Thái Bình	Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,47	-	0,44	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
9	Phường Phạm Ngũ Lão	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,32	0,50	0,48	0,50	0,50	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,18	-	0,02	-	-	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 10
10	Phường Tân Định	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,63	0,63	0,63	0,63	0,63	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
III	Quận 3																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,16	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,16	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,32	0,32	0,32	0,32	0,32	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
6	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,45	0,45	0,45	0,45	0,45	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
7	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,17	0,17	0,17	0,17	0,17	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
8	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,43	0,43	0,43	0,43	0,43	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
9	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,18	0,18	0,18	0,18	0,18	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,16	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
11	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
12	Phường Võ Thị Sáu	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,2	2,2	2,19	2,2	2,2	-	-	15-47	47-89	89-141	141-185	185-204	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,01	-	-	-	-							Khoản 3 Điều 10
IV	Quận 4																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,38	0,38	0,38	0,38	-	-	12-45	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,01	-	-	-	-	-	-							Khoản 3 Điều 10
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,36	0,28	0,37	0,36	-	-	12-45	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,05	-	0,09	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,27	0,07	0,27	0,27	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,20	-	-	-								
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,28	-	0,28	0,28	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,28	-	-	-								
5	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,21	-	0,21	0,21	-	-	12-45	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,09	-	0,21	-	-	-								
6	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,18	-	0,18	0,18	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	-	-	0,18	-	-	-								

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)			
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³	
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước																
7	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,12	-	0,12	0,12	-	-	12-45	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,10	-	0,12	-	-	-									Khoản 3 Điều 10
8	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,10	-	0,10	0,10	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,08	-	-	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 10	
9	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,85	-	0,80	0,85	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,45	-	0,25	0,05	-	-	-	12-45	45-87	-	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 10	
10	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,18	-	0,18	0,18	-	-	-	45-87	-	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8	
11	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,22	-	0,22	0,22	-	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	-	-	0,08	-	-	-	-	-	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 10	

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước															
12	Phường 16	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,31	-	0,24	0,31	-	-	-	45-87	-	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,07	-	-								-
13	Phường 18	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,71	-	0,04	0,71	-	-	-	45-87	-	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,67	-	-								-
V	Quận 5																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,43	0,43	0,43	0,43	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,33	-	-	-	-	-								-
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,29	0,29	0,29	0,29	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,29	-	-	-	-	-								-

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,18	0,18	0,18	0,18	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,18	-	-	-	-	-								-
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,28	0,38	0,38	0,38	0,38	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,10	-	-	-	-	-								-
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,23	0,23	0,23	0,23	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,23	-	-	-	-	-								-
6	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,24	0,24	0,24	0,24	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,24	-	-	-	-	-								-
7	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,02	0,25	0,25	0,25	0,25	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,23	-	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
7	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,13	0,25	0,25	0,25	0,25	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,12	-	-	-	-	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 10
9	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,39	0,39	0,39	0,39	0,39	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,18	0,23	0,23	0,23	0,23	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,05	-	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
11	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,31	0,31	0,31	0,31	0,31	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
12	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,57	0,57	0,57	0,57	0,57	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
13	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,27	0,27	0,27	0,27	0,27	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8
14	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,27	0,27	0,27	0,27	0,27	-	-	13-45	45-87	87-140	140-184	184-203	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
VI	Quận 6																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,29	0,29	0,29	0,29	0,29	-	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,26	0,26	0,26	0,26	0,26	-	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	-	Khoản 3 Điều 8
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,24	0,24	0,24	0,24	0,24	0,21	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,19	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23	0,22	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
6	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,32	0,32	0,32	0,32	0,32	0,21	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
7	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,06	0,42	0,42	0,42	0,42	0,42	0,42	7-13	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
8	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,45	0,45	0,45	0,45	0,45	0,45	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
9	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,29	0,29	0,29	0,29	0,29	0,29	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,38	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	7-13	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
11	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,94	0,94	0,94	0,94	0,94	0,94	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
12	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	0,76	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
13	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
14	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,48	0,48	0,48	0,48	0,48	0,48	-	13-45	45-87	87-139	139-183	183-202	202-255	Khoản 3 Điều 8
VII	Quận 7																	
1	Phường Bình Thuận	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	1,58	-	0,86	1,58	-	-	-	60-98	-	136-182	182-193	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,72	-	-								Khoản 3 Điều 10
2	Phường Phú Mỹ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,40	-	-	-	2,42	-	-	14-50	-	-	-	136-182	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	1,17	-	-								Khoản 3 Điều 10
3	Phường Phú Thuận	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	1,02	-	1,00	0,59	-	-	-	60-98	-	136-182	182-193	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	2,80	-	3,41	-	-								Khoản 3 Điều 10
4	Phường Tân Hưng	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	2,26	1,31	2,26	2,26	-	-	-	60-98	98-136	136-182	182-193	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,95	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
5	Phường Tân Kiên	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	1,00	-	0,98	1,00	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,26	0,03	-	-	-	-	-	60-98	98-136	136-182	182-193	-
6	Phường Tân Phong	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,61	-	1,66	1,53	4,41	4,41	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	2,63	1,96	-	-	-	-	14-50	-	60-98	98-136	136-182	182-193	-
7	Phường Tân Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,29	-	1,64	-	4,34	2,84	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	1,59	-	-	-	-	-	14-50	-	60-98	-	136-182	182-193	-
8	Phường Tân Quy	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,90	-	0,90	0,90	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	-	-	0,36	-	-	-	-	-	-	60-98	98-136	136-182	182-193	-

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)	
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³		
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước																
9	Phường Tân Thuận Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,51	7,54	-	0,01	5,00	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	2,15	-	-	1,18	-	-	-	50-60	60-98	-	136-182	182-193	-		Khoản 3 Điều 10
10	Phường Tân Thuận Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	1,14	-	0,09	1,14	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,88	-	-	-	-	60-98	-	136-182	182-193	-		Khoản 3 Điều 10
VIII	Quận 8																		
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,48	0,48	0,48	0,48	-	-	-	62-134	134-161	161-213	213-248	-		Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,55	0,55	0,55	0,55	-	-	-	42-68	68-80	80-99	99-110	-		Khoản 3 Điều 8
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,50	0,50	0,50	0,50	-	-	-	42-68	68-80	80-99	99-110	-		Khoản 3 Điều 8
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,94	-	1,12	1,41	1,41	1,41	-									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	0,02	0,29	-	-	-	-	-	16-23	23-42	42-68	68-80	80-99	99-110	-	

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)													
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³											
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước																										
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,60	-	1,48	1,60	1,60	1,60	-	16-23	23-42	42-68	68-80	80-99	99-110			Khoản 3 Điều 8										
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,01	0,12	-	-	-	-									-								Khoản 3 Điều 10		
6	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,36	0,77	1,36	1,36	1,36	1,36	0,56	3-7	7-55	55-86	86-145	145-193	193-234	234-238			Khoản 3 Điều 8									
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/nghĩa trang trong vùng cấp nước	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01																			Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,59	-	-	-	-	-										-									
7	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	2,98	3,56	2,28	5,74	4,96	5,74	5,74	3-7	7-55	55-86	86-145	145-193	193-234	234-238			Khoản 3 Điều 8									
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,17	3,09	-	0,78	-	-										-									
8	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,32	0,32	0,32	0,32	-		7-55	55-86	86-145	145-193	193-234				Khoản 3 Điều 8									
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	0,10	-	-	-	-	-										-									

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)			
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³	
			mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước																
9	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,07	-	0,47	0,47	0,47	0,47	-	3-7	7-55	55-86	86-145	145-193	193-234	-		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,37	-	-	-	-	-									
10	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,08	-	0,25	0,25	0,25	0,25	-	13-19	19-75	75-135	135-166	166-180	180-189	-		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,25	-	-	-	-	-									
11	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,01	0,02	0,29	0,29	0,29	0,29	-	14-19	19-75	75-135	135-167	167-180	180-190	-		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,27	-	-	-	-	-									
12	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,21	0,16	0,31	0,31	0,31	0,31	-	3-6	6-65	65-102	102-150	150-185	185-220	-		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,15	-	-	-	-	-									

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
13	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,23	0,24	0,24	0,24	0,24	-	-	35-50	50-98	98-131	131-149	149-175	-	Khoản 3 Điều 8
14	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,39	0,55	0,55	0,55	0,55	0,55	0,36	14-50	43-62	62-118	118-141	141-171	171-201	201-254	Khoản 3 Điều 8
15	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,57	1,58	1,58	1,58	1,58	1,58	1,58	16-23	23-42	42-68	68-80	80-99	99-110	110-150	Khoản 3 Điều 8
16	Phường 16	3	Khu vực có cấp nước tập trung	2,54	2,62	3,52	3,52	3,52	3,52	3,52	16-23	23-42	42-68	68-80	80-99	99-110	110-150	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,65	-	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
IX	Quận 10																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,29	0,29	0,29	0,29	0,29	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
3	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,16	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,11	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,05	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
5	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,23	0,23	0,23	0,23	0,04	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,19	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 10
6	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,11	0,11	0,11	0,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,11	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 10
7	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
8	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
9	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,19	0,19	0,19	0,19	0,19	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
11	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,38	1,38	1,38	1,38	1,38	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
12	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,38	0,38	0,38	0,38	0,38	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
13	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,26	1,26	1,26	1,26	1,25	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
13	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,77	0,77	0,77	0,77	0,77	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
X	Quận 11																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,27	0,27	0,27	0,27	0,27	0,27	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,15	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,79	0,79	0,79	0,79	0,79	0,77	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,18	0,18	0,18	0,18	0,13	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,04	-	-							Khoản 3 Điều 10
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,65	0,65	0,65	0,65	0,65	0,08	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8
6	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,13	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,03	-	-							Khoản 3 Điều 10
7	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	-	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,15	-								Khoản 3 Điều 10
8	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,37	0,37	0,37	0,37	0,37	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
9	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,16	0,16	0,16	0,16	0,16	0,01	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,11	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8
11	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,22	0,22	0,22	0,22	0,22	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
12	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
13	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,17	0,17	0,17	0,17	0,17	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
14	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,32	0,32	0,32	0,32	0,32	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
15	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,81	0,81	0,81	0,81	0,80	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	-	0,01	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 10
16	Phường 16	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,05	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	237-275	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
XI	Quận 12																	
1	Phường An Phú Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,38	8,89	8,73	4,07	1,59	0,59	-	3-9	9-39	39-57	57-119	119-170	170-195	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,16	3,45	3,24	-	-								Khoản 3 Điều 10
2	Phường Đông Hưng Thuận	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	4,38	4,38	4,38	3,24	4,38	-	-	11-40	40-59	59-121	121-172	172-197	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,59	-	-								Khoản 3 Điều 10
3	Phường Hiệp Thành	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,82	2,82	2,82	2,82	2,82	-	-	12-42	42-60	60-122	122-173	173-198	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,91	1,91	1,91	1,91	1,91	-								Khoản 3 Điều 10
4	Phường Tân Chánh Hiệp	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,03	5,03	5,03	5,03	5,03	-	-	13-43	43-61	61-123	123-174	174-199	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
5	Phường Tân Thới Hiệp	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,90	1,90	1,78	1,90	1,90	-	-	14-43	43-61	61-123	123-174	174-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,65	0,65	0,77	0,65	0,65	-								Khoản 3 Điều 10
6	Phường Tân Thới Nhất	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,96	3,96	3,96	3,77	3,96	-	-	12-44	44-88	88-140	140-190	190-237	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,19	-	-								Khoản 3 Điều 10
7	Phường Thạnh Lộc	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,66	5,66	1,12	-	2,79	-	-	12-37	37-58	58-121	121-156	156-161	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	1,81	0,60	-	-								Khoản 3 Điều 10
8	Phường Thạnh Xuân	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	9,36	9,36	3,26	0,97	7,43	-	-	12-37	37-58	58-121	121-156	156-161	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,45	0,45	2,94	4,20	-	-								Khoản 3 Điều 10
9	Phường Thới An	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,83	3,83	1,65	1,78	3,83	-	-	11-40	40-58	58-120	120-171	171-197	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,32	1,32	2,75	3,21	1,32	-								Khoản 3 Điều 10
10	Phường Trung Mỹ Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,73	2,73	2,73	2,73	2,73	-	-	14-43	43-62	62-124	124-175	175-200	-	Khoản 3 Điều 8
XII Quận Bình Tân																		
1	Phường An Lạc	3	Khu vực có cấp nước tập trung	2,58	1,65	4,16	4,16	4,10	4,16	4,16	4-8	8-54	54-105	105-146	146-214	214-256	256-288	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	0,09	1,89	-	-	0,06	-	-								Khoản 3 Điều 10
2	Phường An Lạc A	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,32	1,79	1,94	1,94	1,94	1,94	1,94	4-8	8-54	54-105	105-146	146-214	214-256	256-288	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,14	-	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
3	Phường Bình Hưng Hòa	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,37	2,37	2,37	2,37	2,37	-	-	9-55	55-106	106-147	147-215	215-257	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,08	1,08	1,08	1,08	1,08	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
4	Phường Bình Hưng Hòa A	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,35	3,35	3,35	3,35	3,35	3,33	-	9-55	55-106	106-147	147-215	215-257	257-289	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,20								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/ nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	3,28	3,28	3,28	3,28	3,28	2,01								Khoản 3 Điều 10
5	Phường Bình Hưng Hòa B	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,12	5,12	4,96	5,12	5,12	1,51	-	9-55	55-106	106-147	147-215	215-257	257-289	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/ nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,12	1,12	1,28	1,12	1,12	1,01								Khoản 3 Điều 10
6	Phường Bình Trị Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,48	3,48	3,48	3,48	3,48	3,48	-	8-54	54-105	105-146	146-214	214-256	256-288	Khoản 3 Điều 8
7	Phường Bình Trị Đông A	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,07	2,92	3,12	3,12	3,12	3,12	3,12	4-8	8-55	55-105	105-146	146-214	214-257	257-288	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/ nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	0,43	1,18	0,99	0,99	0,99	0,99	0,99								Khoản 3 Điều 10
8		3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,21	2,54	4,23	4,23	4,17	4,23	4,23	4-8	8-55	55-105	105-146	146-214	214-257	257-288	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
	Phường Bình Trị Đông B	Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	0,06	1,66	-	-	0,06	-	-								Khoản 3 Điều 10
9	Phường Tân Tạo	3	Khu vực có cấp nước tập trung	2,88	-	12,51	9,79	11,84	12,51	12,51	4-12	12-66	66-124	124-174	174-248	248-284	284-323	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	7,07	1,26	2,33	5,05	3,00	2,33	2,33								Khoản 3 Điều 10
10	Phường Tân Tạo A	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,39	0,64	2,33	1,99	2,33	2,33	2,33	4-12	12-66	66-124	124-174	174-248	248-284	284-323	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	0,12	1,96	0,38	0,72	0,38	0,38	0,38								Khoản 3 Điều 10
XIII	Quận Bình Thạnh																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,26	0,26	0,14	0,26	0,26	-	-	14-60	60-95	95-123	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,11	-	-	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,35	0,35	-	0,35	0,35	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,35	-	-	-	-	-	15-60	60-96	96-123	123-147	147-200	
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,47	0,47	0,47	0,47	0,47	-	-	14-60	60-95	95-123	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,37	0,37	0,37	0,37	0,37	-	-	23-68	68-103	103-131	131-155	155-200	-	Khoản 3 Điều 8
5	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	-	-	22-67	67-103	103-130	130-154	154-200	-	Khoản 3 Điều 8
6	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,39	0,39	0,39	0,39	0,39	-	-	22-67	67-103	103-130	130-154	130-200	-	Khoản 3 Điều 8
7	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,84	0,84	0,73	0,84	0,35	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,11	-	-	-	-	21-75	75-133	133-183	183-257	257-300	-	
8	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,11	0,63	0,14	1,11	0,19	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,48	0,95	-	-	-	-	16-61	61-96	96-124	124-147	147-200	-	

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
9	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,10	2,38	0,18	0,02	1,32	-	-	7-14	14-59	59-95	95-122	122-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	2,07	1,73	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
10	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,26	0,26	0,14	0,26	0,26	-	-	21-66	66-102	102-129	129-153	153-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,12	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
11	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,51	0,42	-	0,51	0,51	-	-	15-60	60-95	95-123	123-147	147-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,09	0,39	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
12	Phường 17	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,65	0,59	-	0,65	0,65	-	-	14-60	60-95	95-123	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,06	0,32	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
13	Phường 19	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,40	0,40	-	0,40	0,40	-	-	14-60	60-95	95-123	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
14	Phường 21	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,40	0,20	-	0,40	0,40	-	-	15-61	61-96	-	124-147	147-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,20	-	-	-	-								-
15	Phường 22	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,32	0,94	-	1,83	1,83	-	-	14-60	60-95	-	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,35	0,89	-	-	-	-								-
16	Phường 24	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,56	0,23	-	0,56	0,52	-	-	14-59	59-95	95-123	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,33	0,34	-	-	-								-
17	Phường 25	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,14	-	-	1,83	0,80	-	-	14-60	60-95	-	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,69	0,86	-	-	-	-								-
18	Phường 26	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,02	1,60	-	-	1,17	0,02	-	7-14	14-60	60-95	95-123	123-146	146-200	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,77	0,15	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
19	Phường 27	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,86	-	-	0,51	-	-	-	14-59	-	-	122-146	-	-	Khoản 3 Điều 8
20	Phường 28	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,51	0,52	0,19	2,92	-	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	2,96	1,84	-	-	-	-	14-59	59-95	95-123	123-146	-	-	Khoản 3 Điều 10
XIV	Quận Gò Vấp																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,59	0,59	0,59	0,59	0,43	-	-	12-38	38-115	115-127	127-177	177-200	-	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,50	1,30	1,50	1,50	1,50	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,20	-	-	-	-	-	16-40	40-97	97-127	127-160	160-164	-	Khoản 3 Điều 10
3	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,38	0,38	0,38	0,38	0,38	-	-	17-41	41-97	97-128	128-161	161-164	-	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,58	1,51	1,24	1,58	0,14	-	-	11-38	38-115	115-127	127-176	176-200	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,07	0,34	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
5	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,97	0,77	0,97	0,97	0,89	-	-	17-41	41-98	98-128	128-161	161-165	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,21	-	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
6	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,70	1,46	1,13	1,70	1,70	-	-	13-39	39-117	117-129	129-178	178-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,24	0,57	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
7	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,14	2,14	1,18	2,14	2,14	-	-	11-38	38-115	115-127	127-176	176-200	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,96	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
8	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	4,69	4,69	3,98	4,51	4,69	-	-	11-37	37-115	115-127	127-176	176-215	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên	-	-	-	0,72	0,18	-	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,197	0,197	0,197	0,197	0,197	-	-	9-39	39-89	89-128	128-163	163-191	-	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,373	0,373	0,373	0,373	0,373	-	-	7-38	38-88	88-127	127-162	162-189	-	Khoản 3 Điều 8
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,185	0,185	0,185	0,185	0,185	-	-	10-41	41-91	91-130	130-165	165-193	-	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,283	0,283	0,283	0,283	0,283	-	-	9-40	40-90	90-129	129-164	164-191	-	Khoản 3 Điều 8
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,303	0,303	0,303	0,303	0,303	-	-	9-40	40-90	90-129	129-164	164-191	-	Khoản 3 Điều 8
6	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,432	0,432	0,432	0,432	0,432	-	-	6-36	36-87	87-125	125-161	161-188	-	Khoản 3 Điều 8
7	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,301	0,301	0,301	0,301	0,301	-	-	9-40	40-90	90-129	129-164	164-191	-	Khoản 3 Điều 8
8	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,399	1,399	1,399	1,399	1,399	-	-	10-41	41-91	91-130	130-165	165-193	-	Khoản 3 Điều 8
9	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,334	0,334	0,334	0,334	0,334	-	-	8-39	39-89	89-128	128-163	163-191	-	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,385	0,385	0,385	0,385	0,385	-	-	8-39	39-89	89-128	128-163	163-190	-	Khoản 3 Điều 8
11	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,292	0,292	0,292	0,292	0,292	-	-	7-38	38-88	88-127	127-162	162-189	-	Khoản 3 Điều 8
12	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,231	0,231	0,231	0,231	0,231	-	-	7-38	38-88	88-127	127-162	162-189	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
13	Phường 17	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,145	0,145	0,145	0,145	0,145	-	-	6-37	37-87	87-125	125-161	161-188	-	Khoản 3 Điều 8
XVI	Quận Tân Bình																	
1	Phường 1	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
2	Phường 2	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,97	1,97	1,97	1,97	1,97	-	-	14-37	37-78	78-128	128-197	197-231	-	Khoản 3 Điều 8
3	Phường 3	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
4	Phường 4	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,45	2,45	2,45	2,45	2,45	-	-	10-42	42-84	84-130	130-196	196-242	-	Khoản 3 Điều 8
5	Phường 5	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	-	-	10-41	41-84	84-129	129-195	195-241	-	Khoản 3 Điều 8
6	Phường 6	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,57	0,57	0,57	0,57	0,57	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
7	Phường 7	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	-	-	10-42	42-84	84-130	130-196	196-242	-	Khoản 3 Điều 8
8	Phường 8	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,39	0,39	0,39	0,39	0,39	-	-	11-43	43-85	85-131	131-197	197-243	-	Khoản 3 Điều 8
9	Phường 9	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,52	0,52	0,52	0,52	0,52	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
10	Phường 10	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,87	0,87	0,87	0,87	0,87	-	-	11-42	42-85	85-130	130-196	196-242	-	Khoản 3 Điều 8
11	Phường 11	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,59	0,59	0,59	0,59	0,59	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
12	Phường 12	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,47	1,47	1,47	1,47	1,47	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
13	Phường 13	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,25	1,25	1,25	1,25	1,25	-	-	11-43	43-85	85-131	131-197	197-243	-	Khoản 3 Điều 8
14	Phường 14	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68	-	-	9-40	40-83	83-128	128-194	194-240	-	Khoản 3 Điều 8
15	Phường 15	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	9,85	9,93	9,69	9,69	10,04	-	-	14-36	36-77	77-128	128-197	197-231	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,20	0,13	0,36	0,36	-	-	-							Khoản 3 Điều 10
XVII	Quận Tân Phú																	
1	Phường Hiệp Tân	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,40	1,40	1,40	1,40	1,40	1,40	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	241-284	Khoản 3 Điều 8
2	Phường Hòa Thạnh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,92	0,92	0,92	0,92	0,92	0,34	-	10-42	42-84	84-130	130-196	196-242	242-284	Khoản 3 Điều 8
3	Phường Phú Thạnh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,36	1,36	1,36	1,36	1,36	1,15	-	10-41	41-84	84-129	129-195	195-241	241-284	Khoản 3 Điều 8
4	Phường Phú Thọ Hòa	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,03	1,03	1,03	1,03	1,03	0,13	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	241-284	Khoản 3 Điều 8
5	Phường Phú Trung	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,94	0,94	0,94	0,94	0,94	0,18	-	10-42	42-84	84-130	130-196	196-242	242-284	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
6	Phường Sơn Kỳ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,14	2,14	1,84	2,14	2,14	-	-	11-43	43-85	85-131	131-197	197-243	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,16	0,16	0,46	0,16	0,16	-								Khoản 3 Điều 10
7	Phường Tân Quý	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,15	1,15	1,15	1,15	1,15	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	-								Khoản 3 Điều 10
8	Phường Tân Sơn Nhì	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,28	1,28	1,27	1,28	1,28	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,01	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
9	Phường Tân Thành	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,06	1,06	1,06	1,06	1,06	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8
10	Phường Tân Thới Hòa	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,83	0,83	0,83	0,83	0,83	0,83	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	241-284	Khoản 3 Điều 8
11	Phường Tây Thạnh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,99	3,58	2,44	3,27	3,58	-	-	10-41	41-84	84-129	129-196	196-241	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,58	-	1,14	0,30	-	-								Khoản 3 Điều 10
XVIII	Huyện Bình Chánh																	
1	Xã An Phú Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,01	0,33	0,07	4,72	5,82	5,82	5,83								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,40	1,53	1,10	-	-	-	8-18	18-50	50-79	79-129	129-207	207-273	273-314	Khoản 3 Điều 10
2	Xã Bình Chánh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	-	8,22	7,47	8,22	0,90								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,75	-	3,27	-	-	-	101-153	153-204	204-293	293-351	Khoản 3 Điều 10
3	Xã Bình Hưng	3	Khu vực có cấp nước tập trung	9,41	-	1,14	13,89	13,89	13,89	-								Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,30	4,76	-	-	-	-	5-8	8-59	59-140	140-164	164-197	197-227	-	Khoản 3 Điều 10
4	Xã Bình Lợi	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	-	8,36	15,58	16,32	13,16	-	-	-	134-184	184-241	241-290	290-337	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)			
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,04	0,04	0,04									Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/ nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	1,82	3,37	2,63	3,17									Khoản 3 Điều 10
5	Xã Đa Phước	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	-	1,64	1,63	1,64	-		32-47	-	100-144	144-202	202-265	-		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	-	2,85	2,85	2,85	-									Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/ nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,75	-	11,74	11,75	11,75	-									Khoản 3 Điều 10
6	Xã Hưng Long	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	0,18	-	6,12	12,83	12,85	0,53		14-35	-	70-132	132-190	190-245	245-296		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/ nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,13	-	5,02	0,18	0,16	1,82									Khoản 3 Điều 10
7	Xã Lê Minh Xuân	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,39	-	5,88	15,31	30,97	31,16	28,23	2-4	4-71	71-132	132-178	178-236	236-289	289-333		Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	0,01	-	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03									Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	3,04	0,64	5,60	8,22	4,65	4,46	6,36								Khoản 3 Điều 10
8	Xã Phạm Văn Hai	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,66	1,19	3,22	-	5,12	23,06	12,55	3-8	8-65	65-116	116-157	157-210	210-266	266-300	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	-	-	0,02	0,04	0,013								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	1,55	6,46	9,07	1,49	6,28	3,88	7,29								Khoản 3 Điều 10
9	Xã Phong Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,41	4,62	0,92	13,40	13,40	13,40	3,07	8-30	30-46	46-81	81-117	117-190	190-270	270-300	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	1,57	5,26	2,00	5,45	5,45	5,45	1,09								Khoản 3 Điều 10
10	Xã Quý Đức	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	-	6,49	6,52	6,52	-	-	-	-	81-117	117-190	190-270	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,03	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
11	Xã Tân Kiên	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	11,51	11,51	11,51	11,51	11,51	-	-	68-134	134-184	184-241	241-290	290-337	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
12	Xã Tân Nhựt	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	10,40	23,52	20,62	23,52	23,52	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	6,53	-	2,71	-	-	-	-	70-127	127-178	178-245	245-305	305-358	
13	Xã Tân Quý Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	-	5,97	8,37	8,40	1,79	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	2,05	0,03	-	2,95	-	-	-	127-178	178-245	245-305	305-358	
14	Thị trấn Tân Túc	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	0,80	7,74	5,93	8,52	8,52	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	4,05	0,78	1,69	-	-	-	-	70-127	127-178	178-245	245-305	305-358	
15	Xã Vĩnh Lộc A	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	17,94	19,49	0,49	8,25	19,73	3,88	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,78	0,24	2,38	5,14	-	-	-	5-45	45-93	93-141	141-208	208-245	245-271	
16	Xã Vĩnh Lộc B	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,34	12,91	17,28	9,26	16,86	17,49	16,32	3-9	9-26	26-83	83-124	124-187	187-223	223-269	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)			
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	1,06	4,00	0,22	4,70	0,64	0,01	0,01								Khoản 3 Điều 10	
XIX	Huyện Cần Giờ																		
1	Xã Bình Khánh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	27,42	-	-	17,26	-	13,21	-								Khoản 3 Điều 8	
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	8,25	0,93	-	-	-	9-26	-	-	127-178	178-245	245-305	-	Khoản 3 Điều 10
2	Xã Tam Thôn Hiệp	3	Khu vực có cấp nước tập trung	12,18	-	-	12,75	-	-	-	9-26	-	-	127-178	-	-	-	Khoản 3 Điều 8	
XX	Huyện Củ Chi																		
1	Xã An Nhơn Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,45	17,14	23,65	23,65	23,65	23,65	16,67									Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,09	0,14	0,14	0,14	0,14	0,05		9-20	20-30	30-57	57-72	72-96	96-135	135-139	Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	0,19	2,85	5,07	5,07	5,07	5,07	4,51									
2	Xã An Phú	1	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang	-	0,03	0,07	0,07	0,07	0,07	0,04	-	10-17	17-49	49-62	62-86	86-141	141-149	Điểm a Khoản 4 Điều 6	

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		1	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm)	-	4,23	10,24	10,24	10,24	10,24	4,42								Điểm b,c,d,đ Khoản 4 Điều 6
3	Xã Bình Mỹ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,56	23,42	23,67	23,67	23,67	23,67	-	2-7	7-14	14-62	62-97	97-150	150-163	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,77	1,77	1,77	1,77	1,77	-								Khoản 3 Điều 10
4	Xã Hòa Phú	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,02	0,39	4,58	4,58	4,58	4,58	-	2-7	7-24	24-52	52-91	91-135	135-175	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,07	0,07	0,07	0,07	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,03	4,53	4,53	4,53	4,53	-								Khoản 3 Điều 10
5	Xã Nhuận Đức	1	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang	-	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07	-	7-35	35-50	50-71	71-104	104-161	161-177	Điểm a Khoản 4 Điều 6
		1	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm)	-	6,56	6,86	6,86	6,86	6,86	6,84								Điểm b,c,d,đ Khoản 4 Điều 6
		3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	-	-	-	-	-	0,01								Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
6	Xã Phạm Văn Cội	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	5,25	22,53	22,53	22,53	22,53	21,02	-	14-19	19-54	54-85	85-130	130-176	176-194	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,20	1,22	1,22	1,22	1,22	1,22								Khoản 3 Điều 10
7	Xã Phú Hòa Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,92	17,02	17,02	17,02	17,02	6,00	-	14-15	15-24	24-69	69-127	127-171	171-194	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,03	1,36	1,36	1,36	1,36	1,36								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,61	3,51	3,51	3,51	3,51	3,51								Khoản 3 Điều 10
8	Xã Phú Mỹ Hưng	1	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang	-	-	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	-	24-27	27-50	50-71	71-94	94-131	131-149	Điểm a Khoản 4 Điều 6
		1	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm)	-	0,76	5,19	5,19	5,19	5,19	4,69								Điểm b,c,d,đ Khoản 4 Điều 6
9	Xã Phước Hiệp	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	11,68	11,68	11,68	11,68	11,68	-	-	5-7	7-68	68-112	112-153	153-201	201-300	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	1,52	1,52	1,52	1,52	1,52	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	6,50	6,50	6,50	6,50	6,50	0,07								Khoản 3 Điều 10
10	Xã Phước Thạnh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	7,15	7,15	7,15	7,15	7,15	-	-	28-36	36-70	70-92	92-130	130-170	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,11	0,11	0,11	0,11	0,11	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	7,39	7,39	7,39	7,39	7,39	-								Khoản 3 Điều 10
11	Xã Phước Vĩnh An	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	15,00	15,10	15,10	15,10	15,10	15,10	-	7-16	16-56	56-102	102-135	135-187	187-206	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,31	1,31	1,31	1,31	1,31	1,31								Khoản 3 Điều 10
12	Xã Tân An Hội	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	23,36	23,36	25,09	23,36	23,36	22,58	-	23-32	32-70	70-114	114-145	145-198	198-210	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,12	0,12	0,12	0,12	0,12	0,12								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	6,83	6,83	5,10	6,83	6,83	6,83								Khoản 3 Điều 10
13	Xã Tân Phú Trung	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	20,62	23,68	23,60	23,68	23,68	16,88	-	10-27	27-74	74-149	149-199	199-241	241-264	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,04	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	4,05	7,15	7,23	7,15	7,15	7,13								Khoản 3 Điều 10
14	Xã Tân Thạnh Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	0,66	14,62	19,93	19,93	19,93	19,93	0,33	2-5	5-7	7-68	68-112	112-153	153-201	201-240	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,08	0,08	0,08	0,08	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,54	6,56	6,56	6,56	6,56	-								Khoản 3 Điều 10
15	Xã Tân Thạnh Tây	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,06	9,28	9,15	9,28	9,28	7,72	-	7-27	27-51	51-94	94-156	156-179	179-220	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,02	0,02	-	0,02	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	2,25	2,38	2,25	2,25	1,06								Khoản 3 Điều 10
16	Xã Tân Thông Hội	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	16,75	16,75	16,69	16,75	16,75	16,75	-	14-18	18-69	69-117	117-154	154-206	206-227	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,08	1,08	1,14	1,08	1,08	1,08								Khoản 3 Điều 10
17	Xã Thái Mỹ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	15,24	15,24	15,24	15,24	15,24	-	-	8-36	36-65	65-101	101-144	144-207	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,59	0,59	0,59	0,59	0,59	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	8,41	8,41	8,41	8,41	8,41	-								Khoản 3 Điều 10
18	Xã Trung An	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,14	14,17	14,17	14,17	14,17	-	-	13-20	20-56	56-71	71-101	101-136	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	-	0,02	0,02	0,02	0,02	-								Khoản 3 Điều 10

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,54	6,04	6,04	6,04	6,04	-								Khoản 3 Điều 10
19	Xã Trung Lập Hạ	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,10	9,41	9,41	9,41	9,41	9,41	2,54	7-14	14-22	22-57	57-72	72-102	102-138	138-159	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	0,18	7,62	7,62	7,62	7,62	7,62	1,29								Khoản 3 Điều 10
20	Xã Trung Lập Thượng	1	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang	-	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	-	-	14-23	23-59	59-74	74-88	88-116	-	Điểm a Khoản 4 Điều 6
		1	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm)	-	7,43	7,43	7,43	7,43	7,43	-								Điểm b,c,d,đ Khoản 4 Điều 6
21	Thị trấn Cù Chi	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	3,76	3,76	2,98	3,76	3,76	3,76	-	14-23	23-58	58-73	73-88	88-115	115-139	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,11	0,11	0,89	0,11	0,11	0,11								Khoản 3 Điều 10
XXI	Huyện Hóc Môn																	

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)						Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)						Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)		
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²		n ₂ ¹	n ₁ ³
1	Xã Bà Điểm	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	7,03	7,03	6,49	7,00	7,03	-	-	15-32	32-81	81-135	135-184	184-238	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,54	-	-	-								-
2	Xã Đông Thạnh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	8,04	8,04	8,04	8,02	7,90	-	-	24-37	37-73	73-123	123-169	169-182	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,48	0,48	0,48	0,48	0,48	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	4,30	4,30	4,30	4,32	4,25	-								Khoản 3 Điều 10
3	Xã Nhị Bình	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,56	1,56	1,56	1,38	0,37	-	-	15-28	28-71	71-107	107-154	154-180	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	-	0,10	0,10	0,10	0,10	-	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	6,93	6,93	6,93	7,12	0,44	-								Khoản 3 Điều 10
4	Xã Tân Hiệp	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	11,81	11,81	11,81	11,81	11,81	-	-	4-25	25-81	81-128	128-185	185-227	-	Khoản 3 Điều 8

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)	
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³		
5	Xã Tân Thới Nhì	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	17,16	17,16	17,16	17,16	17,16	9,40	-	15-28	28-71	71-108	108-154	154-206	206-227	Khoản 3 Điều 8	
6	Xã Tân Xuân	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,74	2,74	2,74	1,74	1,74	-	-	23-36	36-72	72-121	121-168	168-181	-	Khoản 3 Điều 8	
7	Xã Xuân Thới Đông	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	2,99	2,99	2,99	2,99	2,99	-	-	23-36	36-72	72-121	121-168	168-181	-	Khoản 3 Điều 8	
8	Xã Trung Chánh	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,77	1,77	1,77	1,77	1,77	-	-	23-36	36-72	72-121	121-168	168-181	-	Khoản 3 Điều 8	
9	Xã Thới Tam Thôn	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	8,94	8,94	8,94	8,94	8,94	-	-	26-39	39-76	76-135	135-167	167-212	-	Khoản 3 Điều 8	
10	Thị trấn Hóc Môn	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	1,79	1,79	1,79	1,79	1,79	-	-	26-39	39-76	76-135	135-167	167-212	-	Khoản 3 Điều 8	
11	Xã Xuân Thới Sơn	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	14,67	13,54	14,47	7,42	14,89	5,55	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	0,21	1,32	0,42	5,13	-	-	-	9-37	37-84	84-138	138-200	200-241	241-267	-	Khoản 3 Điều 10
12	Xã Xuân Thới Thượng	3	Khu vực có cấp nước tập trung	-	16,73	17,37	6,90	4,42	18,73	1,96	-	-	-	-	-	-	-	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	1,95	1,37	6,15	3,23	-	-	-	12-40	40-87	87-141	141-203	203-244	244-270	-	Khoản 3 Điều 10
XXII	Huyện Nhà Bè																		

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
1	Xã Hiệp Phước	3	Khu vực có cấp nước tập trung	3,44	-	-	10,06	-	10,83	-	14-21	-	-	87-119	119-147	147-183	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,77	0,96	-	-				-	-	-	-	-
2	Xã Long Thới	3	Khu vực có cấp nước tập trung	3,92	-	-	6,16	8,04	10,97	-	14-21	-	-	87-120	120-148	148-183	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	4,04	2,59	-	-				-	-	-	-	-
3	Xã Nhơn Đức	3	Khu vực có cấp nước tập trung	10,67	-	-	10,71	10,76	10,76	-	14-21	-	-	87-119	119-147	147-182	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực bãi rác/ nghĩa trang trong vùng cấp nước	0,06	-	-	0,06	0,06	0,06	-								Khoản 3 Điều 10
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	3,31	-	-	3,70	3,65	3,65	-								Khoản 3 Điều 10
4	Xã Phú Xuân	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,85	-	-	0,69	3,03	3,73	-	14-21	-	-	87-119	119-147	147-183	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liên kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	2,18	1,84	-	-								-

TT	Phạm vi hành chính hạn chế khai thác	Tên vùng hạn chế khai thác	Khu vực hạn chế khai thác	Diện tích vùng hạn chế khai thác (km ²)							Phạm vi chiều sâu hạn chế khai thác, từ - đến (m)							Biện pháp hạn chế khai thác (Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)
				qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	qh	qp ₃	qp ₂₋₃	qp ₁	n ₂ ²	n ₂ ¹	n ₁ ³	
5	Xã Phước Kiển	3	Khu vực có cấp nước tập trung	15,03	-	-	8,90	15,18	15,04	-	14-21	-	54-87	87-120	120-148	148-183	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	0,49	4,50	-	-	-								Khoản 3 Điều 10
6	Xã Phước Lộc	3	Khu vực có cấp nước tập trung	6,05	-	-	6,05	6,05	6,05	-	14-21	-	-	87-119	119-147	147-182	-	Khoản 3 Điều 8
7	Thị trấn Nhà Bè	3	Khu vực có cấp nước tập trung	1,69	-	-	-	2,89	0,71	-	14-21	-	-	87-120	120-148	148-183	-	Khoản 3 Điều 8
		Hỗn hợp (1-3)	Khu vực liền kề (bãi rác/nghĩa trang/ biên mặn/giếng ô nhiễm) trong vùng cấp nước	-	-	-	0,28	2,18	-	-								Khoản 3 Điều 10

II. CÁC KÝ HIỆU VÀ THUẬT NGỮ

qh : Tầng chứa nước Holocen

qp₃ : Tầng chứa nước Pleistocen trên

qp₂₋₃: Tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên

qp₁ : Tầng chứa nước Pleistocen dưới

n₂²: Tầng chứa nước Pliocen giữa

n₂¹: Tầng chứa nước Pliocen dưới

n₁³: Tầng chứa nước Miocen trên

III. BIỆN PHÁP HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

1. Đối với vùng hạn chế 1 (theo Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)

- Vùng hạn chế 1 là khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung (theo Điểm a Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP): dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và thực hiện xử lý, trám lấp giếng theo quy định;

- Vùng hạn chế 1 là khu vực liền kề bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung, biên mặn, giếng khai thác bị ô nhiễm (theo Điểm b,c,d,đ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP): không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác như sau:

+ Trường hợp công trình không có giấy phép, bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai, thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

+ Trường hợp công trình có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

2. Đối với vùng hạn chế 2 (theo Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP): là khu vực có mực nước động trong giếng khai thác vượt quá mực nước động cho phép

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới;

- Trường hợp công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai, thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp công trình đã có giấy phép thì tạm dừng khai thác theo quy định đối với các giếng có mực nước động vượt quá mực nước động cho phép và điều chỉnh chế độ khai thác hoặc giảm lưu lượng khai thác tại giếng đó cho phù hợp;

+ Việc điều chỉnh chế độ khai thác hoặc giảm lưu lượng khai thác tại giếng khai thác được thực hiện sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

+ Trường hợp mực nước động trong giếng đã hồi phục, không còn vượt quá mực nước động cho phép thì không thực hiện việc điều chỉnh và được tiếp tục khai thác theo giấy phép đã được cấp.

3. Đối với vùng hạn chế 3 (theo Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP): là khu vực có hệ thống cấp nước tập trung

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới;

- Đối với công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai, thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

- Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

4. Đối với vùng hạn chế hỗn hợp (theo Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP)

Là diện tích chồng lấn của các vùng hạn chế 1, vùng hạn chế 2 và hạn chế 3, việc áp dụng các biện pháp hạn chế đối với vùng hạn chế hỗn hợp được quyết định trên cơ sở các biện pháp hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế nêu trên theo thứ tự vùng hạn chế 1 đến vùng hạn chế 2 và đến vùng hạn chế 3, cụ thể như sau:

- Vùng hạn chế hỗn hợp (1-3) là khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung nằm trong vùng cấp nước thì áp dụng biện pháp hạn chế theo vùng hạn chế 1 là khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung;

- Vùng hạn chế hỗn hợp (1-3) là khu vực liền kề bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung, biên mặn, giếng khai thác bị ô nhiễm nằm trong vùng cấp nước thì áp dụng biện pháp hạn chế theo vùng hạn chế 1 là khu vực liền kề bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, nghĩa trang tập trung, biên mặn, giếng khai thác bị ô nhiễm.

- Vùng hạn chế hỗn hợp (2-3) là khu vực có mực nước động trong giếng khai thác vượt quá mực nước động cho phép nằm trong vùng cấp nước thì áp dụng biện pháp hạn chế theo vùng hạn chế 2 là khu vực có mực nước động trong giếng khai thác vượt quá mực nước động cho phép;

- Vùng hạn chế hỗn hợp (1-2-3) là khu vực có nghĩa trang tập trung thuộc khu vực có mực nước động trong giếng khai thác vượt quá mực nước động cho phép và nằm trong vùng cấp nước thì áp dụng biện pháp hạn chế theo vùng hạn chế 1 là khu vực có nghĩa trang tập trung.